ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ TRÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 231/KH-UBND	*Trà Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn xã Trà Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi;

Thực hiện Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; Công văn số 5705/UBND-KGVX ngày 17/6/2026 và Công văn số 9524/UBND-KGVX ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về rà soát, tổng hợp và đề xuất dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; Công văn số 3091/SKHCN-VP ngày 19/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027;

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2026, ước thực hiện cả năm 2026 và hiện trạng hạ tầng, nhân lực, dữ liệu của địa phương, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện

Trong năm 2026, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Trà Giang đã chủ động ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, kế hoạch nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp điều kiện thực tiễn của xã nông thôn có vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn rộng, dân cư phân tán. Sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn trong năm 2026, xã hiện có 10 thôn. Các văn bản trọng tâm gồm:

- Chương trình hành động số 18-KH/ĐU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi;

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã về chuyển đổi số trên địa bàn xã Trà Giang năm 2026;

- Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã về đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã về chuyển đổi số xã Trà Giang giai đoạn 2026 - 2030;

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 10/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã Trà Giang giai đoạn 2026 – 2030;

- Quyết định số 479/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã "Quyết định ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 10/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học,

công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh" trên địa bàn xã Trà Giang giai đoạn 2026 – 2030;

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã về phát triển hạ tầng số xã Trà Giang giai đoạn 2026 - 2030;

- Quyết định 504/QĐ-UBND ngày 16/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 19/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn xã;

- Kế hoạch số 201 /KH-UBND ngày 24/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn xã.

Ủy ban nhân dân xã duy trì hoạt động của 01 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 10 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 10 thôn theo quyết định kiện toàn hiện hành. Việc theo dõi, cập nhật nhiệm vụ được thực hiện trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn theo quy định.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

Ủy ban nhân dân xã tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giao Phòng Văn hóa - Xã hội xã chủ trì tham mưu, phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai nhiệm vụ theo chức năng. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được lồng ghép qua hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử, các hội nghị, lớp tập huấn và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

Cán bộ, công chức, viên chức được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng số, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới. Các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng hệ thống, nền tảng dùng chung của tỉnh, hạn chế phát sinh hệ thống riêng lẻ, bảo đảm yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và tiết kiệm ngân sách.

2.2. Hoạt động đổi mới sáng tạo

Hoạt động đổi mới sáng tạo được triển khai gắn với cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã nông thôn có vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ủy ban nhân dân xã khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác; đồng thời định hướng hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông,

lâm nghiệp, phát triển sản phẩm đặc trưng và chuỗi giá trị phù hợp điều kiện địa phương.

Việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và các nền tảng trực tuyến bước đầu được quan tâm trong công tác tham mưu, tuyên truyền và tổng hợp thông tin; yêu cầu đặt ra là tiếp tục bồi dưỡng kỹ năng sử dụng có trách nhiệm, bảo đảm an toàn thông tin và không làm phát sinh hệ thống trùng lặp với nền tảng dùng chung của tỉnh.

2.3. Công tác sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Ủy ban nhân dân xã tuyên truyền, hướng dẫn hộ sản xuất, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận các nội dung về đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn và chất lượng hàng hóa; gắn với phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và quảng bá sản phẩm trên môi trường số.

2.4. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

Phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai sâu rộng: Tính đến ngày 31/12/2025: Tổng số tài khoản học viên tham gia của xã Trà Giang được Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh thống kê báo cáo là 4498 học viên, trong đó có 439 học viên là CBCCVC (đạt tỷ lệ 100%) và 4059 học viên là người dân; Tổng số chuyên đề đăng ký là 20.840 chuyên đề, tổng số chuyên đề hoàn thành là 18215, Tổng số chứng nhận được cấp 3511, Tỷ lệ học viên tham gia 2025 (tổng số học viên/ tổng dân số) đạt 26,19%, Tỷ lệ hoàn thành năm 2025 (tổng số chứng nhận/ Tổng số học viên) đạt 78,06% , Xếp hạng 2025 (theo tỷ lệ học viên tham gia trên tổng dân số) 26/96, Xếp hạng 2025 (theo số lượng học viên tham gia) 28/96, Xếp hạng 2025 (theo tỷ lệ được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học) 33/96 xã/phường/đặc khu.

Năm 2026, UBND xã tiếp tục triển khai khóa học trên nền tảng OneTouch do Sở Nội vụ tỉnh phát động, kết quả 100% CB, CC, VC xã và các đơn vị sự nghiệp giáo dục tham gia học tập và được cấp chứng chỉ 100%. Trong Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, theo thống kê xã Trà Giang đạt thứ hạng 46/96 xã, phường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với 631 bài thi, tỷ lệ bài thi theo dân số xã Trà Giang đứng vị trí 52/96 xã. Qua Cuộc thi, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thêm điều kiện tìm hiểu, củng cố kiến thức về các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, qua đó góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng chính quyền số tại địa phương.

Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh: trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã đã xây dựng và phát sóng hơn 05 chuyên mục, thực hiện trên 35 tin, bài tuyên truyền về cải cách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, thời lượng 10 phút/chương trình, phát định kỳ thứ

Năm hằng tuần bằng tiếng Kinh và tiếng Co trên hệ thống Đài truyền thanh xã, trang mạng xã hội của đơn vị và Trang thông tin điện tử xã.

Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, đa dạng về hình thức, kết hợp giữa truyền thông truyền thống và nền tảng số:

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-UBND về đẩy mạnh truyền thông Nghị quyết số 57-NQ/TW, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã tiếp phát chuyên mục CCHC, CĐS của Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh trên hệ thống truyền thanh xã với tần suất 01 số/chuyên mục/tuần; xây dựng chuyên mục, chương trình phát thanh về CCHC (mỗi tháng 01 chuyên mục, phát lại 03 lần/tháng); đăng tải 57 tin, bài, hình ảnh trên Cổng thông tin điện tử của xã; tuyên truyền 48 tin, bài trên Facebook, Fanpage và Trang thông tin điện tử của xã.

Ra mắt kênh Zalo OA "Trà Giang – Đổi mới & Phát triển" để phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; ra mắt mô hình "Hòm thư số" tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Nhân dân gửi Chủ tịch UBND xã.

Tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo "Xây dựng giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm cải cách hành chính, chuyển đổi số" và phát động Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu CCHC và CĐS năm 2026 (Kế hoạch số 130/KH-UBND, Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 04/6/2026, Thể lệ số 01/TL-BTC). Cuộc thi thu hút 6.278 lượt cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và Nhân dân tham gia; Ban Tổ chức đã công nhận và trao 15 giải cá nhân, 01 giải tập thể.

Hưởng ứng Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW" do tỉnh phát động (các Công văn số 2112/UBND, 2557/UBND, 2577/UBND): xã Trà Giang đạt 631 bài thi, xếp thứ 46/96 xã, phường, đặc khu về số lượng bài thi và thứ 52/96 về tỷ lệ bài thi theo dân số; các trường học trên địa bàn tham gia đầy đủ. Qua cuộc thi, nhận thức của CBCCVC, giáo viên, học sinh về vai trò của KHCN, ĐMST và CĐS được nâng lên.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số nội dung tuyên truyền, tập huấn đã tổ chức đầy đủ về số lượng nhưng mức độ ứng dụng thực tế sau tập huấn chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng, nhất là người cao tuổi và người dân ở các thôn xa trung tâm xã.

3. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã là 443 thủ tục (211 thủ tục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 231 thủ tục dịch vụ công trực tuyến một phần, 09 thủ tục chưa cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực Thanh tra Chính phủ). Từ ngày 01/01/2026 tính đến ngày 10/9/2026, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 2.545 hồ sơ, trong đó trực tuyến 2.463 hồ sơ, trực tiếp 82 hồ sơ; dịch vụ công trực tuyến một phần đạt 69,16% (1.760/2.545 hồ sơ), dịch vụ công trực tuyến toàn phần đạt 30,84% (785/2.545hồ sơ). Số hồ sơ đã giải quyết là 2.485 hồ sơ, trong đó: trước hạn với 2.479/2.485, chiếm 99,76%, quá hạn với 6/2.485 hồ sơ, chiếm 0,24%; số hóa hồ sơ khi tiếp nhận đạt 100%, số hóa khi trả kết quả đạt 100%;

thanh toán trực tuyến đạt 100% với số tiền 26.195.000 đồng; số hồ sơ tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa là 2.320 hồ sơ, tương đương 91,16% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Công tác đo lường sự hài lòng ghi nhận 949 lượt đánh giá, trong đó 935 lượt rất hài lòng, 14 lượt hài lòng, không có lượt đánh giá không hài lòng; UBND xã đã tiếp nhận và xử lý 01 phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan lĩnh vực đất đai.

4. Về hạ tầng, kiến trúc số

Tỷ lệ phủ sóng 4G trên địa bàn xã đạt **100%**; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt **75%** dân số; tỷ lệ người dân có khả năng truy cập internet băng rộng cố định tốc độ trên 01 Gbps đạt trên **65%**. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã hoàn thành **16/16 tiêu chí** hạ tầng theo quy định; mạng LAN nội bộ kết nối toàn bộ các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị; hệ thống internet, wifi được lắp đặt phủ **10/10 thôn**; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến bảo đảm kết nối liên thông 03 cấp Trung ương, tỉnh, xã với 02 đường truyền dữ liệu số chuyên dùng, hoạt động thông suốt, ổn định.

Về chữ ký số: đã cấp phát **69** chữ ký số (**9** chữ ký tổ chức, **60** chữ ký cá nhân), 100% máy trạm được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc có bản quyền (BKAV), kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

5. Về triển khai, khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (iOffice) hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức, viên chức (kể cả Trạm Y tế, các trường học trực thuộc) được cấp tài khoản; Việc gửi, nhận và xử lý văn bản điện tử được duy trì. Trong thời gian từ ngày 01/01/2026 đến ngày 14/9/2026, có 2.244/2.244 văn bản đi đủ điều kiện được ký số, gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, đạt 100%.

UBND xã đã đăng ký và cấp phát 69 chữ ký số (9 chữ ký tổ chức, 60 chữ ký cá nhân). 100% cơ quan quản lý nhà nước được cấp chứng thư số cho cơ quan và lãnh đạo; 100% máy trạm được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc có bản quyền (BKAV), kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

UBND xã tiếp tục khai thác thường xuyên các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh (quản lý hộ tịch, quản lý cán bộ công chức, quản lý ngân sách Misa, kê khai bảo hiểm xã hội, thu phí lệ phí điện tử, quản lý tài sản, quản lý hộ nghèo, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...); toàn bộ hệ thống đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/NDXP).

6. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

Tổng biên chế công chức toàn xã hiện là 35 biên chế (có mặt 34 biên chế); UBND xã bố trí 01 công chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số (tại Phòng Văn hóa - Xã hội) trên vị trí việc làm được phê duyệt, tuy nhiên người được bố trí không có chuyên ngành phù hợp; các phòng chuyên môn còn lại bố

trí 04 công chức kiêm nhiệm tại các phòng, trung tâm thuộc xã, 100% đã được tập huấn kỹ năng số.

Năm 2026, **100%** cán bộ, công chức, viên chức toàn xã đã hoàn thành bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà One Touch năm 2025 - 2026.

Tổ công nghệ số cộng đồng được kiện toàn tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 với **10 tổ/10 thôn**, **120 thành viên**.

7. Về tài chính, kinh phí

Năm 2025: UBND xã bố trí 458.600.000 đồng cho công tác chuyển đổi số, triển khai nghị quyết 57-NQ/TW.

Năm 2026: UBND xã bố trí 401.251.000 đồng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và đã chỉ đạo giải ngân toàn bộ; kinh phí được lồng ghép trong chi thường xuyên, xã chưa có khoản kinh phí đầu tư phát triển riêng cho hạ tầng số quy mô lớn (trong đó: 162.538.000 đồng đầu tư thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ 2; 188.713.000 đồng mua trang thiết bị thu nhận hồ sơ căn cước, xác thực điện tử; 50.000.000 đồng phục vụ các hoạt động chuyển đổi số, các cuộc thi tìm hiểu CCHC và CĐS, hoạt động Tuần lễ chuyển đổi số năm 2026).

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

- Trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương, UBND xã không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng (hoàn thành 34/34 nhiệm vụ tính đến ngày 20/6/2026), tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, cụ thể như sau:

- Kinh tế số: Chưa có mô hình kinh tế ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cụ thể, xã chưa có sản phẩm OCOP được giao dịch trên sàn thương mại điện tử, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chưa cao.

Nguyên nhân: xã mới được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở 03 xã cũ, kế thừa nhiều hạn chế (03 xã cũ chỉ có 01 sản phẩm OCOP là Yến Nghĩa Lâm, hiện đã hết hạn công nhận); hợp tác xã hoạt động chưa hiệu quả, chưa hình thành vùng nguyên liệu. Năm 2026, Phòng Kinh tế xã đã tham mưu UBND xã xây dựng Kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng hồ sơ OCOP cho sản phẩm Dầu đậu phụng của Hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm nhưng chưa được công nhận (tiếp tục thực hiện trong năm 2027).

Trách nhiệm: Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, tiếp tục tham mưu UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thiện trong năm 2027.

- Việc xây dựng dự toán kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của UBND xã còn chậm, chưa bảo đảm đầy đủ hồ sơ, căn cứ theo yêu cầu.

Nguyên nhân: Các cơ quan, đơn vị chưa bao quát được 100% chức năng, nhiệm vụ trong thực hiện chuyển đổi số. Dự toán đòi hỏi phải có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (có kế hoạch, quyết định phê duyệt... thực hiện nhiệm vụ).

Trách nhiệm: Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ rà soát, xây dựng dự toán nhiệm vụ kèm kinh hàng năm gửi Phòng Văn hóa – Xã hội tổng hợp.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Cấp xã chủ yếu thực hiện nhiệm vụ theo quy định, hướng dẫn của cấp trên, chưa có cơ chế, chính sách đặc thù để chủ động thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp điều kiện thực tiễn của xã sau sáp nhập. Nguyên nhân chính: thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuộc cấp trên. Trách nhiệm: các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ; UBND xã chủ động tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Theo kết quả tự rà soát tại Báo cáo kết quả rà soát các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 16/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ, hạ tầng công nghệ thông tin tiếp nhận từ 03 đơn vị hành chính cũ trước sáp nhập đã cũ, cấu hình thấp, chưa đáp ứng yêu cầu vận hành các nền tảng, phần mềm dùng chung mới; Cổng Dịch vụ công quốc gia thường xuyên phát sinh lỗi kết nối, các phần mềm chuyên ngành mới triển khai nên chưa đồng bộ, thường xuyên lỗi....

Nguyên nhân chính: nguồn lực đầu tư còn hạn chế; hệ thống dùng chung triển khai trên phạm vi rộng, số lượng người dùng lớn, các phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành mới triển khai nên chưa đồng bộ, thông suốt nên thường xuyên lỗi.

Trách nhiệm: các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục nâng cấp hệ thống dùng chung; UBND xã tiếp tục rà soát, đề xuất thay thế thiết bị xuống cấp, tổng hợp báo cáo lỗi về cơ quan cấp trên để phối hợp xử lý hồ sơ trễ hạn...

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

UBND xã Trà Giang không chủ trì hoặc làm chủ đầu tư nhiệm vụ, đề tài khoa học, công nghệ nào sử dụng ngân sách nhà nước trong năm 2026; hoạt động chủ yếu tập trung ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn, chưa hình thành mô hình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

Nguyên nhân chính: nguồn nhân lực trình độ, năng lực còn hạn chế; chưa có doanh nghiệp khoa học công nghệ đăng ký đầu tư trên địa bàn.

Trách nhiệm: các cơ quan chuyên môn cấp trên hướng dẫn, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; UBND xã tiếp tục tạo điều kiện, khuyến khích tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Kinh phí bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 là **hơn 400 triệu đồng**, chủ yếu đáp ứng nhiệm vụ thường xuyên,

chưa đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp.

Nguyên nhân chính: khả năng cân đối ngân sách xã còn hạn chế.

Trách nhiệm: UBND xã chủ động sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét giải ngân, hỗ trợ kinh phí theo các Công văn số 3797/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 25/12/2025, số 1579/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 10/4/2026 và số 3453/SKHCN-VP ngày 10/7/2026 mà xã đã đăng ký nhu cầu.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

Xã đã được giao **01 vị trí việc làm** chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhưng người được bố trí không có chuyên ngành phù hợp; toàn bộ công chức phụ trách công nghệ thông tin tại các phòng chuyên môn còn lại đều kiêm nhiệm; việc nhận diện, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng hiện vượt quá khả năng chuyên môn của đội ngũ hiện có.

Nguyên nhân chính: cơ chế biên chế, vị trí việc làm, kinh phí chưa cho phép thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trách nhiệm: UBND xã tiếp tục tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng văn bằng 2 ngành CNTT cho chuyên môn phụ trách hoặc kiến nghị UBND tỉnh xem xét biệt phái, điều động hoặc tuyển dụng 01 công chức có chuyên môn phù hợp về công tác tại xã.

7. Các vấn đề khác có liên quan

- **Người dân còn gặp khó khăn trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến**, đặc biệt đối với các thủ tục phải thực hiện trên cổng dịch vụ công riêng của các bộ, ngành, dẫn đến phải hướng dẫn nhiều lần, làm tăng thời gian tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

Nguyên nhân: Do một bộ phận người dân là người yếu thế, người đồng bào dân tộc thiểu số, người già, số còn lại đa phần chưa có ý thức nâng cao kỹ năng số, tâm lý ỷ lại, phụ thuộc vào cán bộ tiếp nhận TTHC.

Trách nhiệm: Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp với các ngành liên quan (đoàn thanh niên, phụ nữ….), tham mưu thành lập Tổ hỗ trợ người yếu thế, hỗ trợ phục vụ người dân tại chỗ.

Phòng Văn hóa – Xã hội: tiếp tục tham mưu UBND xã tổ chức các lớp bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng dân cư, tăng cường hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng xã, thôn…

- Số lượng người dân trong độ tuổi trưởng thành có chữ ký số cá nhân còn thấp, gây khó khăn cho tiến trình chuyển đổi số, hướng tới 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Nguyên nhân: một bộ phận người dân chưa thấy rõ lợi ích của chữ ký số cá nhân, chưa có điện thoại thông minh hoặc kỹ năng số còn hạn chế.

Trách nhiệm: Công an xã chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức các đợt cao điểm hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử mức độ 2, cài đặt chữ ký số cá nhân cho người dân. Thực hiện trong năm 2027.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

1. Tập trung xử lý các điểm nghẽn đã được xác định

Tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn đã được rà soát trong năm 2026: chưa có thiết bị tường lửa chuyên dụng; chưa có hệ thống lưu trữ dữ liệu; tài liệu lưu trữ chưa được chỉnh lý, số hóa; máy tính tiếp nhận từ 03 xã cũ cấu hình thấp; chưa có giải pháp phòng họp không giấy, thiết bị tiếp công dân trực tuyến; hệ thống truyền thanh chưa phủ đồng bộ đến 10/10 thôn; tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức độ 2, chữ ký số cá nhân và tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử còn thấp; chưa có mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất; chất lượng kết nối tại một số khu vực vùng xa chưa ổn định.

2. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, ưu tiên cán bộ, công chức trực tiếp vận hành hệ thống, thành viên Ban Chỉ đạo và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, 10 thôn theo quyết định kiện toàn hiện hành.

3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và hạ tầng số đồng bộ

Bảo đảm nguyên tắc "thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí"; chỉ bổ sung thiết bị còn thiếu theo hiện trạng thực tế đã xác nhận; không đầu tư dàn trải; không xây dựng thêm hệ thống thông tin, nền tảng số trùng chức năng với hệ thống dùng chung của tỉnh; thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Phát triển chính quyền số

Hướng tới mọi hoạt động được thực hiện an toàn trên môi trường số; duy trì tỷ lệ ký số văn bản đi và số hóa hồ sơ thủ tục hành chính đạt 100%; nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; triển khai Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước dùng chung theo Quyết định số 2481/QĐ-TTg ngày 13/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Phát triển kinh tế số, xã hội số

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về chuyển đổi số, kỹ năng số và công dân số; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả an sinh xã hội; thúc đẩy chuyển đổi số trong y tế, giáo dục và các dịch vụ công thiết yếu, phù hợp khả năng thực tế của xã.

II. ĐỊNH HƯỚNG THEO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Triển khai các nền tảng số và phần mềm dùng chung, an toàn TT

Duy trì, khai thác hiệu quả các nền tảng số và phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công, hệ thống thư điện tử công vụ, cơ sở dữ liệu dân cư và các hệ thống phục vụ triển khai Đề án 06; rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm cho cán bộ, công chức; khuyến khích ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo trong công tác chuyên môn, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

3. Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và hệ thống truyền thanh cơ sở, chú trọng hỗ trợ nhóm còn hạn chế về kỹ năng số.

4. Đổi mới sáng tạo

Khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả công việc; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất khi có đề xuất mô hình cụ thể, có địa chỉ và đối tượng hưởng lợi rõ ràng.

5. Sở hữu trí tuệ

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hộ sản xuất, hợp tác xã về đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, xây dựng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, gắn với sản phẩm đặc trưng và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của địa phương.

6. Công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, theo từng nhóm đối tượng và theo chuyên môn, nghiệp vụ.

III. MỤC TIÊU, KẾT QUẢ ĐẦU RA CHỦ YẾU NĂM 2027

Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ đề xuất, phấn đấu đạt các kết quả chủ yếu sau:

- Duy trì 100% văn bản đi được ký số; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa đầu vào và kết quả giải quyết; 100% hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn.

- Trang bị 01 thiết bị tường lửa tích hợp IPS/IDS, hoàn thiện điều kiện bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 2; mạng nội bộ, đường truyền hoạt động ổn định, thông suốt; dữ liệu của xã được lưu trữ, sao lưu tập trung trên dịch vụ đám mây.

- Trang bị 10 bộ máy tính để bàn cho cán bộ, công chức trực tiếp khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng số; 100% máy tính cơ quan sử dụng hệ điều hành, phần mềm văn phòng có bản quyền.

- Đưa vào vận hành 01 phòng họp không giấy và 01 bộ thiết bị tiếp công dân, đối thoại trực tuyến; tài liệu lưu trữ tồn đọng của UBND xã được chỉnh lý hoàn chỉnh, số hóa, đưa vào Kho lưu trữ số.

- Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông được nâng cấp (bộ thu IP, điều khiển máy phát từ xa, số hóa tín hiệu âm thanh), phủ sóng 10/10 thôn.

- Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Ban Chỉ đạo; 02 lớp cho Tổ công nghệ số cộng đồng; 01 lớp tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo; cấp 05 tài khoản AI cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn kỹ năng số tại 10/10 thôn.

- Tổ chức 02 đợt cao điểm hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử VNeID mức độ 2 và 02 đợt tuyên truyền phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng tại 10 thôn; tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức độ 2 đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

- Tổ chức 01 Lễ phát động Tuần lễ chuyển đổi số quốc gia gắn với ra mắt Mô hình Đại sứ số, Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ 4.0; 01 cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW; sản xuất tối thiểu 05 video tuyên truyền; hỗ trợ 10/10 Tổ công nghệ số cộng đồng duy trì hoạt động.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt từ 85 % trở lên.

- Xây dựng 02 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp (máy sấy măng tre 200 kg/mẻ tại HTX DVNN Hữu cơ An Tân; tưới nhỏ giọt dứa đồi), góp phần hoàn thiện sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; hỗ trợ sản phẩm chủ lực của xã được quảng bá trên môi trường số.

C. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ

Tổng nhu cầu kinh phí năm 2027 là 3.245,5 triệu đồng (Ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng), gồm 25 nhiệm vụ thuộc 03 nhóm nội dung; chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

Theo lĩnh vực chi: chi chuyển đổi số 2.875,5 triệu đồng (nhóm 1 và nhóm 2); chi khoa học, công nghệ 250 triệu đồng (mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tưới nhỏ giọt dứa đồi); chi đổi mới sáng tạo 120 triệu đồng (hỗ trợ khởi nghiệp, hoạt động của hợp tác xã - mô hình máy sấy măng tre).

II. SỰ CẦN THIẾT, THUYẾT MINH KINH PHÍ VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA TỪNG NỘI DUNG

1. Hạ tầng số và an toàn thông tin: 2.137 triệu đồng

Đây là nhóm nhiệm vụ trọng tâm, nhằm xử lý trực tiếp các điểm nghẽn về hạ tầng đã được xác định tại Mục II Phần A và Mục I.1 Phần B, cụ thể:

1.1. Thiết bị phục vụ tiếp công dân, đối thoại trực tuyến: 120 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Đáp ứng yêu cầu tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tuyến giữa lãnh đạo xã với Nhân dân và kết nối với cấp trên; giảm đi lại cho người dân ở các thôn xa trung tâm xã.

- *Thuyết minh kinh phí:* Mua sắm màn hình hiển thị, camera hội nghị, bộ micro, loa, thiết bị kết nối và chi phí lắp đặt, cài đặt; đơn giá xác định theo báo giá, kết quả thẩm định giá.

- *Kết quả dự kiến:* Trang bị 01 bộ thiết bị (màn hình, camera, micro, loa); 100% buổi tiếp công dân định kỳ, đối thoại của lãnh đạo xã được tổ chức, kết nối trực tuyến khi có yêu cầu.

1.2. Giải pháp phục vụ phòng họp không giấy: 150 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Giảm in ấn tài liệu, rút ngắn thời gian chuẩn bị, tăng tính bảo mật và hiệu quả điều hành các cuộc họp của UBND xã, phù hợp định hướng mọi hoạt động thực hiện trên môi trường số.

- *Thuyết minh kinh phí:* Giải pháp phần mềm phòng họp không giấy (bản quyền hoặc thuê dịch vụ), máy tính bảng cho đại biểu, thiết bị mạng không dây chuyên dụng, chi phí triển khai, hướng dẫn sử dụng; ưu tiên sử dụng giải pháp dùng chung của tỉnh nếu có.

- *Kết quả dự kiến:* 01 phòng họp không giấy đưa vào vận hành; ≥ 90% cuộc họp của UBND xã sử dụng tài liệu điện tử; giảm chi phí in ấn, thời gian chuẩn bị họp.

1.3. Trang bị thiết bị tường lửa (Firewall/IPS-IDS): 200 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Mạng nội bộ của UBND xã chưa có thiết bị tường lửa chuyên dụng (điểm nghẽn nêu tại Mục I.1 Phần B); đây là điều kiện cần thiết để hoàn thiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 2.

- *Thuyết minh kinh phí:* 01 thiết bị tường lửa thế hệ mới tích hợp IPS/IDS; bản quyền dịch vụ bảo mật (cập nhật mẫu nhận diện tấn công, lọc web, chống mã độc); chi phí cài đặt, cấu hình, chuyển giao.

- *Kết quả dự kiến:* 01 thiết bị tường lửa tích hợp IPS/IDS bảo vệ mạng nội bộ; hệ thống thông tin của xã được giám sát, bảo đảm an toàn theo cấp độ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.

1.4. Duy trì, nâng cấp mạng nội bộ và đường truyền: 100 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Duy trì hoạt động thông suốt của mạng LAN, Wi-Fi, Internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ iOffice, giải quyết TTHC, hội nghị truyền hình; thay thế thiết bị mạng tiếp nhận từ 03 xã cũ đã xuống cấp.

- *Thuyết minh kinh phí:* Cước dịch vụ Internet, đường truyền 12 tháng; thay thế bộ chuyển mạch, bộ phát Wi-Fi, cáp mạng; bảo trì định kỳ hệ thống mạng.

- *Kết quả dự kiến:* Mạng LAN, Wi-Fi, đường truyền Internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng hoạt động ổn định, thông suốt; 100% máy tính cơ quan kết nối mạng, đáp ứng vận hành các nền tảng số.

1.5. Thuê dịch vụ lưu trữ dữ liệu trên không gian mạng (Cloud): 120 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Xã chưa có hệ thống lưu trữ dữ liệu (Mục I.1 Phần B); dữ liệu số hóa hồ sơ TTHC, tài liệu lưu trữ và dữ liệu chuyên ngành cần được lưu trữ, sao lưu tập trung, an toàn.

- *Thuyết minh kinh phí:* Thuê dịch vụ lưu trữ đám mây 12 tháng, dự kiến 10 triệu đồng/tháng (dung lượng lưu trữ, sao lưu dự phòng); chỉ thực hiện khi tỉnh chưa cung cấp tập trung dịch vụ tương đương.

- *Kết quả dự kiến:* Thuê dịch vụ lưu trữ đám mây 12 tháng; dữ liệu số hóa, dữ liệu chuyên ngành của xã được lưu trữ, sao lưu tập trung, an toàn, khôi phục được khi có sự cố.

1.6. Bổ sung bản quyền hệ điều hành và bộ phần mềm văn phòng: 180 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ, hạn chế nguy cơ mã độc từ phần mềm không bản quyền; đồng bộ với máy tính trang bị mới.

- *Thuyết minh kinh phí:* Dự kiến 40 bộ bản quyền (hệ điều hành và phần mềm văn phòng) × 4,5 triệu đồng/bộ; số lượng chính xác theo kết quả rà soát máy trạm.

- *Kết quả dự kiến:* 100% máy tính cơ quan sử dụng hệ điều hành, phần mềm văn phòng có bản quyền; hạn chế nguy cơ mã độc, tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ.

1.7. Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của UBND xã: 920 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Tài liệu lưu trữ tiếp nhận từ 03 xã cũ sau sắp xếp chưa được chỉnh lý, số hóa (Mục I.1 Phần B), gây khó khăn cho tra cứu, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC.

- *Thuyết minh kinh phí:* Chi phí chỉnh lý (phân loại, lập hồ sơ, biên mục, vệ sinh, thay bìa, hộp, lập mục lục) và số hóa (quét, tạo lập dữ liệu đặc tả, kiểm tra, đưa vào Kho lưu trữ số); khối lượng xác định theo khảo sát thực tế, đơn giá theo định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ Nội vụ và kết quả thẩm định giá.

- *Kết quả dự kiến:* Tài liệu lưu trữ tồn đọng của UBND xã được chỉnh lý hoàn chỉnh, lập mục lục hồ sơ; hồ sơ có giá trị được số hóa, cập nhật vào Kho lưu trữ số, phục vụ tra cứu, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC.

1.8. Bộ thu thông minh IP: 30 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Hệ thống truyền thanh chưa phủ đồng bộ 10/10 thôn (Mục I.1 Phần B); cần bổ sung bộ thu IP cho các cụm loa còn thiếu.

- *Thuyết minh kinh phí:* Dự kiến 03 bộ thu thông minh IP × 10 triệu đồng/bộ (gồm lắp đặt, cấu hình).

- *Kết quả dự kiến:* Cụm loa được lắp bộ thu thông minh IP, mở rộng vùng phủ truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông đến các thôn; tiếp nhận, phát bản tin từ xa qua mạng.

1.9. Hệ thống IP điều khiển máy phát: 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Chuyển Đài truyền thanh xã sang phương thức điều khiển, lập lịch phát từ xa, quản lý tập trung các cụm loa.

- *Thuyết minh kinh phí:* Thiết bị điều khiển máy phát qua IP, phần mềm quản lý và chi phí lắp đặt, tích hợp.

- *Kết quả dự kiến:* Máy phát của Đài truyền thanh xã được điều khiển, lập lịch phát sóng từ xa qua mạng IP; quản lý tập trung, giám sát trạng thái hoạt động các cụm loa.

1.10. Bộ số hóa tín hiệu Audio: 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Số hóa tín hiệu âm thanh đầu vào để kết nối đồng bộ với hệ thống truyền thanh thông minh, nâng chất lượng phát sóng song ngữ Kinh - Co.

- *Thuyết minh kinh phí:* Bộ mã hóa, số hóa tín hiệu âm thanh, bàn trộn, phụ kiện và chi phí lắp đặt.

- *Kết quả dự kiến:* Tín hiệu âm thanh tại Đài truyền thanh xã được số hóa, kết nối hệ thống truyền thanh thông minh; nâng chất lượng âm thanh, tiếp âm bản tin của tỉnh, trung ương.

1.11. Mua máy quét vân tay quang học: 17 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Phục vụ xác thực sinh trắc học trong quản lý, giải quyết công việc, bảo đảm chính xác và an toàn dữ liệu.

- *Thuyết minh kinh phí:* Dự kiến 02 máy quét vân tay quang học × 8,5 triệu đồng/máy.

- *Kết quả dự kiến:* Trang bị máy quét vân tay quang học phục vụ xác thực sinh trắc học trong quản lý, giải quyết công việc; bảo đảm chính xác, an toàn dữ liệu, kết nối với phần mềm quản lý phù hợp với mô hình hoạt động mới của Trạm Y tế xã.

1.12. Mua sắm 10 bộ máy tính để bàn phục vụ công tác chuyên môn, vận hành hệ thống, nền tảng số: 200 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Máy tính tiếp nhận từ 03 xã cũ đã cũ, cấu hình thấp, không đáp ứng vận hành các nền tảng, phần mềm dùng chung mới (Mục II.3 Phần A).

- *Thuyết minh kinh phí:* 10 bộ × 20 triệu đồng/bộ (máy, màn hình, bộ lưu điện); bảo đảm tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

- *Kết quả dự kiến:* 10 bộ máy tính được trang bị, thay thế máy cũ, cấu hình đáp ứng vận hành các hệ thống, nền tảng số (quản lý văn bản, giải quyết TTHC, CSDL chuyên ngành); nâng hiệu suất xử lý công việc.

2. Chính quyền số, nâng cao năng lực số: 738,5 triệu đồng

Nhóm nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng, khắc phục điểm nghẽn về nguồn nhân lực, kỹ năng số của người dân nêu tại Mục II Phần A, cụ thể:

2.1. Lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Ban Chỉ đạo: 48,5 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Mức độ ứng dụng thực tế sau tập huấn chưa đồng đều; đội ngũ chưa đủ năng lực nhận diện, xử lý sự cố an toàn thông tin (Mục II.6 Phần A).

- *Thuyết minh kinh phí:* 01 lớp: thù lao giảng viên, tài liệu, thuê hội trường, thiết bị, nước uống, văn phòng phẩm; mức chi theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- *Kết quả dự kiến:* 01 lớp bồi dưỡng; 100% CBCC, VC và thành viên Ban Chỉ đạo được bồi dưỡng; ≥ 90% học viên sử dụng thành thạo nền tảng số dùng chung, chữ ký số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.

2.2. Lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng: 60 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Tổ công nghệ số cộng đồng được kiện toàn với 120 thành viên tại 10 thôn (Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 24/7/2026), cần được bồi dưỡng để trực tiếp hướng dẫn người dân.

- *Thuyết minh kinh phí:* 02 lớp × 30 triệu đồng/lớp (khoảng 60 học viên/lớp): giảng viên, tài liệu, hội trường, hỗ trợ học viên theo quy định.

- *Kết quả dự kiến:* 02 lớp bồi dưỡng; 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng 10 thôn được bồi dưỡng, đủ kỹ năng hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt.

2.3. Mua tài khoản AI phục vụ hoạt động của CBCC, VC xã (05 tài khoản/năm): 30 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Nâng cao năng suất soạn thảo, tổng hợp, phân tích văn bản; thí điểm trước khi nhân rộng; không sử dụng cho tài liệu mật.

- *Thuyết minh kinh phí:* 05 tài khoản × 12 tháng × 0,5 triệu đồng/tài khoản/tháng.

- *Kết quả dự kiến:* 05 tài khoản AI được cấp cho CBCC, VC; ứng dụng AI trong soạn thảo, tổng hợp, phân tích văn bản, báo cáo; rút ngắn thời gian xử lý, nâng năng suất lao động.

2.4. Lễ phát động Tuần lễ chuyển đổi số quốc gia, ra quân Tổ CNSCĐ, Mô hình Đại sứ số, Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ 4.0: 30 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Tạo đợt cao điểm truyền thông, lan tỏa phong trào chuyển đổi số; khắc phục tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chưa cao (Mục II.1 Phần A).

- *Thuyết minh kinh phí:* Khánh tiết, âm thanh, pano, băng rôn; in mã QR thanh toán cho tiểu thương; hậu cần ra quân 10 Tổ CNSCĐ; mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và quy định hiện hành.

- *Kết quả dự kiến:* 01 Lễ phát động Tuần lễ CĐS quốc gia; ra quân 10 Tổ CNSCĐ; ra mắt Mô hình Đại sứ số, Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ 4.0; lan tỏa phong trào CĐS trong Nhân dân.

2.5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng: 300 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt "đi từng ngõ, gõ từng nhà", cần kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên tại 10 thôn.

- *Thuyết minh kinh phí:* 10 tổ × 30 triệu đồng/tổ/năm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; điều chỉnh theo mức chi khi Nghị quyết được ban hành.

- *Kết quả dự kiến:* 10/10 Tổ CNSCĐ được hỗ trợ kinh phí, duy trì hoạt động thường xuyên; hỗ trợ người dân tại thôn sử dụng DVCTT, VNeID, thanh toán số; góp phần nâng tỷ lệ hồ sơ TTHC trực tuyến.

2.6. Xây dựng video tuyên truyền, phát trên mạng xã hội, Trang TTĐT xã: 30 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Đa dạng hóa hình thức truyền thông số, tiếp cận người dân, nhất là đồng bào Co, qua mạng xã hội và Trang thông tin điện tử xã.

- *Thuyết minh kinh phí:* Dự kiến 05 video × 6 triệu đồng/video (kịch bản, quay, dựng, lồng tiếng Kinh - Co).

- *Kết quả dự kiến:* Sản xuất tối thiểu 05 video tuyên truyền về CĐS, đăng tải trên mạng xã hội, Trang TTĐT xã; nâng cao nhận thức, thu hút người dân tham gia CĐS.

2.7. Truyền thông thực hiện NQ 57-NQ/TW, NQ 71/NQ-CP (tổ chức cuộc thi trực tuyến): 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Kết quả hưởng ứng Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 còn thấp (thứ 46/96 về số bài thi, 52/96 về tỷ lệ theo dân số); cần tổ chức cuộc thi cấp xã để nâng cao nhận thức.

- *Thuyết minh kinh phí:* Xây dựng bộ câu hỏi, thuê nền tảng thi trực tuyến, giải thưởng, tổ chức tổng kết, truyền thông.

- *Kết quả dự kiến:* 01 cuộc thi trực tuyến tìm hiểu NQ 57-NQ/TW, NQ 71/NQ-CP; thu hút đông đảo CBCC, đoàn viên, học sinh và Nhân dân tham gia; nâng cao nhận thức về KHCN, ĐMST và CĐS.

2.8. Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức: 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Việc ứng dụng AI mới ở bước đầu, cần bảo đảm sử dụng có trách nhiệm, an toàn, bảo mật (Mục II.2 Phần B).

- *Thuyết minh kinh phí:* 01 lớp: thù lao chuyên gia, tài liệu, thiết bị thực hành, hội trường; mức chi theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

- *Kết quả dự kiến:* 01 lớp tập huấn; 100% CBCC được trang bị kiến thức, kỹ năng ứng dụng AI an toàn, đúng quy định bảo mật; áp dụng vào soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu thông tin.

2.9. Tuyên truyền phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng: 40 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng ngày càng tinh vi; người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương.

- *Thuyết minh kinh phí:* 02 đợt × 10 thôn × 2 triệu đồng/thôn/đợt (tài liệu, tờ rơi, hội nghị tại thôn, truyền thanh).

- *Kết quả dự kiến:* 02 đợt tuyên truyền tại 10/10 thôn (hội nghị, tờ rơi, truyền thanh, mạng xã hội); người dân nhận diện, phòng tránh thủ đoạn lừa đảo trực tuyến; hạn chế vụ việc bị lừa đảo trên địa bàn.

2.10. Đợt hướng dẫn kỹ năng số tại 10 thôn (Bình dân học vụ số): 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Mức độ ứng dụng kỹ năng số của người cao tuổi, người dân thôn xa chưa đồng đều; tiếp nối kết quả phong trào "Bình dân học vụ số" năm 2025 (4.498 học viên, tỷ lệ tham gia 26,19%).

- *Thuyết minh kinh phí:* 10 thôn × 5 triệu đồng/thôn (hỗ trợ người hướng dẫn, tài liệu, thiết bị trình chiếu, nước uống).

- *Kết quả dự kiến:* 10/10 thôn được tổ chức hướng dẫn kỹ năng số; người dân được hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, VNeID, DVCTT, thanh toán không dùng tiền mặt; góp phần phổ cập kỹ năng số cộng đồng.

2.11. Đợt cao điểm hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử VNeID mức độ 2, cài đặt chữ ký số cá nhân: 50 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức độ 2 và người dân có chữ ký số cá nhân còn thấp (Mục II.7 Phần A), cản trở mục tiêu 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- *Thuyết minh kinh phí:* 02 đợt × 25 triệu đồng/đợt (hỗ trợ lực lượng trực tại thôn, tài liệu, thiết bị, nước uống).

- *Kết quả dự kiến:* Tổ chức 02 đợt cao điểm tại xã và 10 thôn; tăng tỷ lệ người dân trong độ tuổi được kích hoạt định danh điện tử mức độ 2, cài đặt chữ ký số cá nhân, sẵn sàng thực hiện DVC trực tuyến toàn trình.

3. Kinh tế số - xã hội số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 370 triệu đồng

Nhóm nhiệm vụ nhằm khắc phục điểm nghẽn "chưa có mô hình kinh tế ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cụ thể" nêu tại Mục II Phần A; hướng tới tạo sinh kế, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, phù hợp điều kiện nông thôn có vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể:

3.1. Nhiệm vụ B: Mô hình máy sấy măng tre (200 kg/mẻ) tại HTX DVNN Hữu cơ An Tân: 120 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Măng tre là nguyên liệu sẵn có của địa phương nhưng chế biến chủ yếu thủ công, phụ thuộc thời tiết; xã chưa có mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ và sản phẩm OCOP còn hiệu lực (Mục II.1 Phần A).

- *Thuyết minh kinh phí:* Hỗ trợ mua sắm, lắp đặt 01 máy sấy công suất 200 kg/mẻ (buồng sấy, hệ thống gia nhiệt, quạt, tủ điều khiển), chuyển giao quy trình vận hành; hợp tác xã đối ứng phần còn lại (nếu có) theo quy định.

- *Kết quả dự kiến:* 01 mô hình máy sấy măng tre công suất 200 kg/mẻ được lắp đặt, vận hành tại HTX DVNN Hữu cơ An Tân; nâng chất lượng, thời gian bảo quản măng khô; hoàn thiện sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng OCOP; tăng thu nhập cho thành viên HTX.

3.2. Nhiệm vụ A: Mô hình tưới nhỏ giọt dứa đồi: 250 triệu đồng

- *Sự cần thiết:* Dứa đồi canh tác trên đất dốc, phụ thuộc nước trời, năng suất thấp vào mùa khô; tưới nhỏ giọt giúp tiết kiệm nước, phân bón, công lao động.

- *Thuyết minh kinh phí:* Hệ thống bơm, bể chứa, đường ống chính - nhánh, dây nhỏ giọt, bộ lọc, bộ châm phân; tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, theo dõi, đánh giá và hội thảo đầu bờ để nhân rộng.

- *Kết quả dự kiến:* 01 mô hình tưới nhỏ giọt được triển khai trên diện tích dứa đồi; tiết kiệm nước, phân bón, công lao động; tăng năng suất, chất lượng dứa; làm cơ sở nhân rộng, phát triển sản phẩm OCOP.

III. NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành do cấp có thẩm quyền phân bổ, giao dự toán cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027; lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc lập, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ

Mức kinh phí tại Phụ lục là mức tối đa dự kiến. Trước khi giao dự toán hoặc triển khai, đơn vị chủ trì từng nhiệm vụ phải hoàn thiện hồ sơ về hiện trạng, khối

lượng, yêu cầu kỹ thuật và cơ sở giá (báo giá, kết quả thẩm định giá hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật); xác nhận không trùng với hệ thống, nền tảng, dịch vụ dùng chung do tỉnh, cấp trên cung cấp và không trùng với nguồn kinh phí khác (Đề án 06, xúc tiến thương mại, OCOP, chương trình mục tiêu quốc gia).

Trường hợp cấp có thẩm quyền cung cấp tập trung dịch vụ, thiết bị, bản quyền phần mềm hoặc dung lượng lưu trữ thuộc danh mục đề xuất, Ủy ban nhân dân xã chủ động điều chỉnh giảm tương ứng, không đề nghị bố trí kinh phí trùng lặp.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Trước khi cấp có thẩm quyền giao dự toán năm 2027: các đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ từng nhiệm vụ (hiện trạng, khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, cơ sở giá), gửi Phòng Văn hóa - Xã hội xã tổng hợp.

- Sau khi được giao dự toán: phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi tiết; tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai theo quy định; ưu tiên triển khai sớm các nhiệm vụ bồi dưỡng, tuyên truyền, hỗ trợ kỹ năng số không phụ thuộc mua sắm.

- Hoàn thành, nghiệm thu, thanh toán các nhiệm vụ trước ngày 31/12/2027; quyết toán kinh phí theo quy định.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai Kế hoạch; tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ thuyết minh dự toán gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính theo đúng thời hạn; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ trước khi giao dự toán.

Chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng số, tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các đợt hướng dẫn kỹ năng số tại 10 thôn; chủ trì nội dung tuyên truyền chuyển đổi số tại cộng đồng; quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử xã; chủ trì xây dựng nội dung số quảng bá sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và du lịch trên Trang thông tin điện tử xã và nền tảng dùng chung; cung cấp tài liệu, hướng dẫn chuyên môn đối với hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Chủ trì tổ chức Lễ phát động Tuần lễ chuyển đổi số quốc gia, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu Nghị quyết số 57-NQ/TW, sản xuất video tuyên truyền; quản lý, sử dụng 05 tài khoản AI; hướng dẫn, quản lý kinh phí hỗ trợ hoạt động của 10 Tổ công nghệ số cộng đồng.

2. Phòng Kinh tế xã

Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận, phân bổ và quản lý kinh phí được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện các nhiệm vụ năm 2027; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi tiết, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chủ trì xây dựng thuyết minh và tổ chức thực hiện 02 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật: mô hình máy sấy măng tre 200 kg/mẻ tại HTX DVNN Hữu cơ An Tân và mô hình tưới nhỏ giọt dứa đồi; hỗ trợ hộ sản xuất, hộ kinh doanh, hợp tác xã đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, xây dựng nhãn hiệu, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc và hồ sơ tham gia Chương trình OCOP.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

Chủ trì tham mưu mua sắm, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng mạng nội bộ thuộc danh mục được phê duyệt (máy tính, thiết bị tường lửa, thiết bị mạng, đường truyền, bản quyền phần mềm, thuê dịch vụ lưu trữ dữ liệu, thiết bị phục vụ tiếp công dân, phòng họp không giấy, máy quét vân tay); chủ trì chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của UBND xã.

Chủ trì bảo đảm an toàn thông tin nội bộ cơ quan, xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; quản lý, vận hành hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống phòng họp không giấy; duy trì gửi, nhận, xử lý văn bản điện tử có ký số.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Duy trì số hóa 100% hồ sơ đầu vào và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật đầy đủ tiến độ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân.

5. Công an xã

Chủ trì tổ chức các đợt hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử VNeID mức độ 2 theo chỉ tiêu được giao; chủ trì tuyên truyền, hướng dẫn phòng, chống lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng tại 10 thôn; chủ trì các nội dung về dữ liệu dân cư, an ninh mạng liên quan Đề án 06.

Phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã thẩm định phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống mạng nội bộ; phối hợp Trạm Y tế xã kết nối dữ liệu dân cư phục vụ lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

6. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã

Chủ trì tiếp nhận, lắp đặt và quản lý vận hành bộ thu thông minh IP, hệ thống IP điều khiển máy phát, bộ số hóa tín hiệu audio được đầu tư năm 2027 và cước dịch vụ dữ liệu của các cụm thu theo Quy chế ban hành; duy trì chuyên mục tuyên truyền định kỳ về cải cách hành chính, chuyển đổi số; phối hợp Văn phòng HĐND và UBND xã đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử xã.

7. Trạm Y tế xã

Chủ trì lập, cập nhật và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho Nhân dân, phấn đấu tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt từ 85% trở lên trong năm 2027; cập nhật đầy đủ dữ liệu tiêm chủng trên hệ thống quốc gia.

8. Các trường học trên địa bàn xã

Duy trì 100% việc sử dụng phần mềm quản lý học sinh, học bạ số, sổ điểm điện tử và thanh toán học phí không dùng tiền mặt; phối hợp tuyên truyền, giáo dục kỹ năng số và kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho học sinh.

9. Tổ công nghệ số cộng đồng

Trực tiếp hướng dẫn người dân theo phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người": cài đặt, kích hoạt VNeID mức độ 2, cài đặt ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và bảo vệ thông tin cá nhân; hỗ trợ Công an xã, Trạm Y tế xã trong các đợt cao điểm.

10. Đề nghị Trưởng các thôn

Đề nghị Trưởng các thôn phối hợp triển khai Kế hoạch tại địa bàn dân cư; vận động người dân tham gia các đợt hướng dẫn kỹ năng số, kích hoạt định danh điện tử; phối hợp xác định vị trí lắp đặt cụm truyền thanh; tập hợp, phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về Ủy ban nhân dân xã.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng phong trào "Bình dân học vụ số"; hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng giám sát việc lắp đặt, vận hành hệ thống truyền thanh tại các thôn theo quy định.

12. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ, tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán; định kỳ hằng quý, 06 tháng, năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội xã) để tổng hợp, kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Phụ lục, ưu tiên nhóm nhiệm vụ hạ tầng số, an toàn thông tin xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn phân loại nhiệm vụ, nguồn kinh phí và định mức áp dụng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn xây dựng mô hình ứng dụng khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông, lâm nghiệp.

2. Đề nghị Sở Tài chính xem xét, cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cấp xã thực hiện các nhiệm vụ đầu tư có quy mô vượt khả năng cân đối của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn xã Trà Giang. Ủy ban nhân dân xã Trà Giang kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính quan tâm tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền

xem xét, bố trí kinh phí; đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính;
- CT, PCT UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trưởng 10 thôn;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TRÀ GIANG T. QUẢNG NGÃI

Võ Đình Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Thuyết minh nhiệm vụ, kinh phí và kết quả dự kiến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027

(Kèm theo Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Trà Giang)

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
	Tổng cộng	**3.245,5**				
I	**Hạ tầng số và An toàn thông tin**	**2.137**				
1	Thiết bị phục vụ tiếp công dân, đối thoại trực tuyến	120	Văn phòng HĐND và UBND xã	Trang bị 01 bộ thiết bị (màn hình, camera, micro, loa); 100% buổi tiếp công dân định kỳ, đối thoại của lãnh đạo xã được tổ chức, kết nối trực tuyến khi có yêu cầu.	2027	Màn hình, camera, micro, loa, lắp đặt; theo báo giá
2	Giải pháp phục vụ phòng họp không giấy	150	Văn phòng HĐND và UBND xã	01 phòng họp không giấy đưa vào vận hành; ≥ 90% cuộc họp của UBND xã sử dụng tài liệu điện tử; giảm chi phí in ấn, thời gian chuẩn bị họp.	2027	Phần mềm, máy tính bảng, thiết bị mạng, triển khai; theo báo giá
3	Trang bị thiết bị tường lửa (Firewall/IPS-IDS)	200	Văn phòng HĐND và UBND xã	01 thiết bị tường lửa tích hợp IPS/IDS bảo vệ mạng nội bộ; hệ thống thông tin của xã được giám sát, bảo đảm an toàn theo cấp độ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	2027	01 thiết bị + bản quyền dịch vụ bảo mật + cài đặt, cấu hình

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
4	Duy trì, nâng cấp mạng nội bộ và đường truyền	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	Mạng LAN, Wi-Fi, đường truyền Internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng hoạt động ổn định, thông suốt; 100% máy tính cơ quan kết nối mạng, đáp ứng vận hành các nền tảng số.	2027	Cước 12 tháng; thay thế thiết bị mạng; bảo trì
5	Thuê dịch vụ lưu trữ dữ liệu trên không gian mạng (Cloud)	120	Văn phòng HĐND và UBND xã	Thuê dịch vụ lưu trữ đám mây 12 tháng; dữ liệu số hóa, dữ liệu chuyên ngành của xã được lưu trữ, sao lưu tập trung, an toàn, khôi phục được khi có sự cố.	2027	12 tháng × 10 triệu đồng/tháng
6	Bổ sung bản quyền hệ điều hành và bộ phần mềm văn phòng	180	Văn phòng HĐND và UBND xã	100% máy tính cơ quan sử dụng hệ điều hành, phần mềm văn phòng có bản quyền; hạn chế nguy cơ mã độc, tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ.	2027	40 bộ × 4,5 triệu đồng/bộ
7	Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ của UBND xã	920	Văn phòng HĐND và UBND xã	Tài liệu lưu trữ tồn đọng của UBND xã được chỉnh lý hoàn chỉnh, lập mục lục hồ sơ; hồ sơ có giá trị được số hóa, cập nhật vào Kho lưu trữ số, phục vụ tra cứu, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC.	2027	Khối lượng (mét giá, trang) × đơn giá định mức KT-KT; thẩm định giá
8	Bộ thu thông minh IP	30	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã	Cụm loa được lắp bộ thu thông minh IP, mở rộng vùng phủ truyền thanh ứng dụng CNTT - viễn thông đến các thôn; tiếp nhận, phát bản tin từ xa qua mạng.	2027	03 bộ × 10 triệu đồng/bộ
9	Hệ thống IP điều khiển máy phát	50	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã	Máy phát của Đài truyền thanh xã được điều khiển, lập lịch phát sóng từ xa qua mạng IP; quản lý tập trung, giám sát trạng thái hoạt động các cụm loa.	2027	Thiết bị, phần mềm quản lý, lắp đặt

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
10	Bộ số hóa tín hiệu Audio	50	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã	Tín hiệu âm thanh tại Đài truyền thanh xã được số hóa, kết nối hệ thống truyền thanh thông minh; nâng chất lượng âm thanh, tiếp âm bản tin của tỉnh, trung ương.	2027	Bộ số hóa, bàn trộn, phụ kiện, lắp đặt
11	Mua máy quét vân tay quang học	17	Văn phòng HĐND và UBND xã	Trang bị máy quét vân tay quang học phục vụ xác thực sinh trắc học trong quản lý, giải quyết công việc; bảo đảm chính xác, an toàn dữ liệu, kết nối với phần mềm quản lý.	2027	02 máy × 8,5 triệu đồng/máy
12	Mua sắm 10 bộ máy tính để bàn phục vụ công tác chuyên môn, vận hành hệ thống, nền tảng số	200	Văn phòng HĐND và UBND xã	10 bộ máy tính được trang bị, thay thế máy cũ, cấu hình đáp ứng vận hành các hệ thống, nền tảng số (quản lý văn bản, giải quyết TTHC, CSDL chuyên ngành); nâng hiệu suất xử lý công việc.	2027	10 bộ × 20 triệu đồng/bộ
II	**Chính quyền số, nâng cao năng lực số**	738,5				
1	Lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và Ban Chỉ đạo	48,5	Phòng Văn hóa - Xã hội	01 lớp bồi dưỡng; 100% CBCC, VC và thành viên Ban Chỉ đạo được bồi dưỡng; ≥ 90% học viên sử dụng thành thạo nền tảng số dùng chung, chữ ký số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.	2027	01 lớp; mức chi theo TT 36/2018/TT-BTC
2	Lớp bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng	60	Phòng Văn hóa - Xã hội	02 lớp bồi dưỡng; 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng 10 thôn được bồi dưỡng, đủ kỹ năng hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt.	2027	02 lớp × 30 triệu đồng/lớp

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
3	Mua tài khoản AI phục vụ hoạt động của CBCC, VC xã (05 tài khoản/năm)	30	Phòng Văn hóa - Xã hội	05 tài khoản AI được cấp cho CBCC, VC; ứng dụng AI trong soạn thảo, tổng hợp, phân tích văn bản, báo cáo; rút ngắn thời gian xử lý, nâng năng suất lao động.	2027	05 TK × 12 tháng × 0,5 triệu đồng
4	Chi tổ chức Lễ phát động Tuần Lễ chuyển đổi số quốc gia và ra quân của Tổ CNSCĐ triển khai Mô hình Đại sứ số; Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ 4.0	30	Phòng Văn hóa - Xã hội	01 Lễ phát động Tuần lễ CĐS quốc gia; ra quân 10 Tổ CNSCĐ; ra mắt Mô hình Đại sứ số, Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, Chợ 4.0; lan tỏa phong trào CĐS trong Nhân dân.	2027	Khánh tiết, pano, mã QR, hậu cần
5	Hỗ trợ ban đầu cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng (10 tổ x 30 triệu/tổ/năm) theo dự thảo NQ HĐND tỉnh	300	Phòng Văn hóa - Xã hội	10/10 Tổ CNSCĐ được hỗ trợ kinh phí, duy trì hoạt động thường xuyên; hỗ trợ người dân tại thôn sử dụng DVCTT, VNeID, thanh toán số; góp phần nâng tỷ lệ hồ sơ TTHC trực tuyến.	2027	10 tổ × 30 triệu đồng/tổ/năm
6	Xây dựng video tuyên truyền, phát trên mạng xã hội , Trang TTĐT xã	30	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sản xuất tối thiểu 05 video tuyên truyền về CĐS, đăng tải trên mạng xã hội, Trang TTĐT xã; nâng cao nhận thức, thu hút người dân tham gia CĐS.	2027	05 video × 6 triệu đồng/video
7	Truyền thông Thực hiện NQ 57-NQ/TW, NQ 71/NQ-CP (Tổ chức cuộc thi trực tuyến)	50	Phòng Văn hóa - Xã hội	01 cuộc thi trực tuyến tìm hiểu NQ 57-NQ/TW, NQ 71/NQ-CP; thu hút đông đảo CBCC, đoàn viên, học sinh và Nhân dân tham gia; nâng cao nhận thức về KHCN, ĐMST và CĐS.	2027	Đề thi, nền tảng thi, giải thưởng, tổng kết

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
8	Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức	50	Phòng Văn hóa - Xã hội	01 lớp tập huấn; 100% CBCC được trang bị kiến thức, kỹ năng ứng dụng AI an toàn, đúng quy định bảo mật; áp dụng vào soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu thông tin.	2027	01 lớp: chuyên gia, tài liệu, thực hành
9	Tuyên truyền phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng	40	Công an xã	02 đợt tuyên truyền tại 10/10 thôn (hội nghị, tờ rơi, truyền thanh, mạng xã hội); người dân nhận diện, phòng tránh thủ đoạn lừa đảo trực tuyến; hạn chế vụ việc bị lừa đảo trên địa bàn.	2027	02 đợt × 10 thôn × 2 triệu đồng
10	Đợt hướng dẫn kỹ năng số tại 10 thôn (Bình dân học vụ số)	50	Phòng Văn hóa - Xã hội	10/10 thôn được tổ chức hướng dẫn kỹ năng số; người dân được hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, VNeID, DVCTT, thanh toán không dùng tiền mặt; góp phần phổ cập kỹ năng số cộng đồng.	2027	10 thôn × 5 triệu đồng/thôn
11	Đợt cao điểm hỗ trợ kích hoạt định danh điện tử VNeID mức độ 2, cài đặt chữ ký số cá nhân	50	Công an xã	Tổ chức 02 đợt cao điểm tại xã và 10 thôn; tăng tỷ lệ người dân trong độ tuổi được kích hoạt định danh điện tử mức độ 2, cài đặt chữ ký số cá nhân, sẵn sàng thực hiện DVC trực tuyến toàn trình.	2027	02 đợt × 25 triệu đồng/đợt
III	**Kinh tế số - xã hội số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**	**370**				

STT	Tên Nội dung/Nhiệm vụ	Nhu cầu kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan chủ trì	Kết quả dự kiến đạt được	Thời gian hoàn thành	Cơ sở tính kinh phí (tạm tính)
1	Nhiệm vụ B: MÔ HÌNH MÁY SẤY MĂNG TRE (200 KG/MẺ) HTXDVNN Hữu cơ An Tân .Chi hỗ trợ khởi nghiệp, hoạt động của HTX (triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035)	120	Phòng Kinh tế xã	01 mô hình máy sấy măng tre công suất 200 kg/mẻ được lắp đặt, vận hành tại HTX DVNN Hữu cơ An Tân; nâng chất lượng, thời gian bảo quản măng khô; hoàn thiện sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng OCOP; tăng thu nhập cho thành viên HTX.	2027	01 máy sấy, lắp đặt, chuyển giao; HTX đối ứng (nếu có)
2	Nhiệm vụ A: MÔ HÌNH TƯỚI NHỎ GIỌT DỨA ĐỒI (triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035)	250	Phòng Kinh tế xã	01 mô hình tưới nhỏ giọt được triển khai trên diện tích dứa đồi; tiết kiệm nước, phân bón, công lao động; tăng năng suất, chất lượng dứa; làm cơ sở nhân rộng, phát triển sản phẩm OCOP.	2027	Hệ thống tưới, tập huấn, chuyển giao, hội thảo

Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng.